



PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT		LOGO CÔNG TY	
Aluminium			
Số CAS 7429-90-5 Số UN: 1309 Số đăng ký EC: 231-072-3 Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): 4.1: Các chất đặc dễ cháy Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):			
I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT			
- Tên thường gọi của chất: Aluminium powder - Tên thương mại: Aluminium powder - Tên khác (không là tên khoa học):		Mã sản phẩm (nếu có)	
- Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ: CÔNG TY TNHH VĂN MINH Trụ sở tại: Số 55 Phùng Hưng, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam; Điện thoại: 024.39271027 Email: info@vanminh.com.vn		Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SƯƠNG MAI Trụ sở tại: Số 27, Đồng Khởi, Phường Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam Điện thoại: 0292 3826699 Email: hoachatsuongmai@yahoo.com.vn	
- Tên nhà sản xuất và địa chỉ: - Mục đích sử dụng: sử dụng trong phòng thí nghiệm.			
II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT			
Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (nồng độ)
Aluminium	7429-90-5	Al	≤99.9%
III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT			
1. Mức xếp loại nguy hiểm: Phân loại theo GHS - Hóa chất khi tiếp xúc với nước giải phóng khí dễ cháy, nhóm 4.1, phân loại 2 - Nguy hiểm đối với môi trường thủy sinh mãn tính: phân loại 4 2. Cảnh báo nguy hiểm:  3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng - Đường mắt: đỏ, đau - Đường thở: hít phải gây ho, viêm họng - Đường da: đỏ da - Đường tiêu hóa: Nguy hiểm khi nuốt phải - Đường tiết sữa: Phụ nữ có thai và cho con bú hạn chế tiếp xúc			
IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ			
Sơ Cứn ban đầu : Thông tin chung Tham khảo với bác sĩ. Trình bày bằng dữ liệu an toàn này cho bác sĩ. Đi ra khỏi khu vực nguy hiểm Trường hợp hít phải : Nếu hít vào, di chuyển người vào không khí trong lành. Nếu không thở, hãy hô hấp nhân tạo. Tham khảo với bác sĩ Trường hợp tiếp xúc da: rửa ngay lập tức với nước, xả phòng. Chăm sóc bác sỹ nếu thấy cần thiết			

Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt (bị văng, dây vào mắt)

Mở mắt rửa trong vòng vài phút dưới nước chảy. Sau đó hỏi bác sĩ.

Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa (ăn, uống nuốt nhầm hóa chất): Súc miệng. Không gây ói mửa.

V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

- 1. Xếp loại về tính cháy** (dễ cháy, rất dễ cháy hoặc cực kỳ dễ cháy, không cháy, khó cháy...): chất khi tiếp xúc với nước sinh chất khí dễ cháy
- 2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy:** Nhôm oxit.
- 3. Các tác nhân gây cháy, nổ:** tia lửa, tĩnh điện, nhiệt độ cao, va đập, ma sát ...
- 4. Phương tiện dập lửa, tất cả các phương tiện phù hợp :** Sử dụng cát khô, bột graphit.
- 5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy**
Mang thiết bị bảo vệ hô hấp.
- 6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ** (nếu có): **Không** sử dụng nước, CO₂ để chữa cháy.

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ TRÀN ĐỔ, DÒ RỈ

Chú ý cá nhân :

Tránh hít bụi.

Đảm bảo thông gió đầy đủ.

Loại bỏ tất cả các nguồn đánh lửa.

Sơ tán nhân viên đến các khu vực an toàn.

Vật dụng bảo vệ toàn thân : ngăn chặn tiếp xúc với cơ thể

Chú ý môi trường :

Ngăn ngừa rò rỉ hoặc đổ ra nếu có thể.

Đừng để sản phẩm chảy vào cống

Phương pháp và vật liệu cho công tác khử bẩn và làm sạch

Quét và xúc các vật liệu đổ sau đó dùng máy hút chân không hút bụi. Đặt thùng chứa đúng nơi qui định. Không đổ chung với nước. nếu có thể đóng kín vật chứa để thải bỏ

VII. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

Thận trọng trong việc bảo quản

Tránh tạo thành bụi và chất xơ. Tiếp tục xử lý vật liệu rắn có thể dẫn đến sự hình thành chất bụi dễ bắt lửa

Khả năng tạo thành bụi dễ cháy cần được xem xét trước khi thực hiện việc sản xuất

Cung cấp thông khí thải phù hợp ở những nơi có bụi được tạo thành. Tránh xa các nguồn gây cháy - không hút thuốc, Cung cấp thông khí thải phù hợp ở những nơi có bụi được tạo thành. Tránh xa các nguồn gây cháy

Điều kiện lưu trữ an toàn, bao gồm bất kỳ sự không tương thích

Giữ bình chứa kín ở nơi khô ráo và thông thoáng. Lưu trữ trong thùng ban đầu. Không lưu trữ gần vật dễ cháy, Giữ ở nơi thoáng mát tránh xa các axit. Bas , các tác nhân oxy hóa . nơi bảo quản phải thông thoáng

Loại lưu trữ (TRGS 510): Vật liệu nguy hiểm rắn dễ cháy

Lưu ý đặt biệt khi dùng khác

Ngoài các mục đích sử dụng nêu tại mục 1.2, không có các mục đích sử dụng cụ thể nào khác được quy định

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Thông số cần kiểm soát

Kiểm soát cháy nổ

Kiểm tra kỹ thuật : Xử lý phù hợp với thực hành vệ sinh công nghiệp tốt. Rửa tay trước khi nghỉ ngơi và vào cuối ngày

Thiết bị bảo vệ cá nhân:

Bảo vệ mắt / mặt

Kính an toàn với lá chắn phụ phù hợp với EN166 Sử dụng thiết bị để bảo vệ mắt được kiểm tra và phê duyệt theo các tiêu chuẩn thích hợp của chính phủ như NIOSH (Hoa Kỳ) hoặc EN 166 (EU).

Bảo vệ da : Xử lý bằng găng tay. Găng tay phải được kiểm tra trước khi sử dụng.

Sử dụng kỹ thuật loại bỏ găng tay thích hợp (không chạm vào bề mặt ngoài của găng tay) để tránh tiếp xúc với sản phẩm này.

Vứt bỏ găng tay bị ô nhiễm sau sử dụng phù hợp với phương pháp và thực hành phòng thí nghiệm tốt. rửa tay.

Găng tay bảo vệ chống lại các rủi ro về nhiệt

Bảo vệ toàn thân : Quần áo bảo hộ chống tĩnh điện. Loại thiết bị bảo vệ phải được lựa chọn theo nồng độ và lượng chất nguy hiểm tại nơi làm việc cụ thể.

Bảo vệ hô hấp : sử dụng mặt nạ phòng độc được cung cấp. Sử dụng máy hô hấp và các thành phần được thử nghiệm và được phê duyệt theo các tiêu chuẩn thích hợp của chính phủ như NIOSH (Hoa Kỳ) hoặc CEN (EU).

Kiểm soát phơi nhiễm ra môi trường : Ngăn ngừa rò rỉ hoặc đổ ra nếu có thể. Đừng để sản phẩm chảy vào cống.

IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái vật lý: bột	Điểm sôi (°C): 2327 °C
Màu sắc: màu bạc	Điểm nóng chảy (°C): 660 °C
Mùi đặc trưng: không mùi	Điểm bùng cháy (°C) (Flash point) theo phương pháp xác định: không có thông tin
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn 20°C: chưa có thông tin	Nhiệt độ tự cháy (°C): 590°C
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: chưa có thông tin	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí): chưa có thông tin
Độ hòa tan trong nước: chưa có thông tin	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí): chưa có thông tin
Độ pH: không có thông tin	Tỷ lệ hóa hơi: chưa có thông tin
Khối lượng riêng (kg/m ³): 2.7 g/cm ³	Các tính chất khác nếu có: chưa có thông tin

X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

Độ ổn định hóa học : ổn định trong điều kiện thông thường

Phân hủy nhiệt /điều kiện cần tránh: Nguy cơ cháy nổ cao, tác dụng với nước sinh hydro

Khả năng tạo phản ứng nguy hiểm : phản ứng với acid, bazo, chất oxy hóa , halogen.

Điều kiện nên tránh : không khí ẩm và nước

Nhiệt, ngọn lửa và tia lửa. nhiệt độ cao và ánh sáng mặt trời trực tiếp.

Vật liệu không tương thích : Acids, Bases, Halogens, Oxidizing agents

Sản phẩm phân hủy nguy hiểm:

sản phẩm phân hủy nguy hiểm được hình thành dưới điều kiện cháy. - Oxit nhôm

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
aluminium	LC50/4h	> 888 mg/l	Hô hấp	Chuột
aluminium	LD50	2000 mg/kg	Uống	Chuột

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

1. Độc tính với sinh vật

Tên thành phần	Loại sinh vật	Chu kỳ ảnh hưởng	Kết quả
Aluminium		Chưa có thông tin	

2. Tác động trong môi trường



- Mức độ bền và phân hủy : không có thông tin
 - khả năng phân hủy sinh học : không có thông tin
 - di chuyển trong đất : không có thông tin
- Thông tin thêm về sinh thái: không có thông tin

XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

Thông tin quy định tiêu hủy (thông tin về luật pháp):

- 1. Thông tin quy định tiêu hủy:** Rác thải theo quy định của thông tư 2008/98/EC. Rác thải cũng như các quy định khác của địa phương và nhà nước, để nguyên hóa chất trong phuy đựng ban đầu, không để lẫn với chất thải khác, xử lý phuy đựng bản giống như sản phẩm.
- 2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải:** đặc biệt
- 3. Biện pháp tiêu hủy:** Theo quy định của pháp luật, nhờ các công ty xử lý chất thải.
- 4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý:** chất thải, bao bì không thể sử dụng lại oặc tái chế.

XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: - Nghị định số 34/2024/NĐ-CP ngày 31/03/2024 của Chính phủ Quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và phương tiện thủy nội địa	1309	Aluminium	4.1: Các chất đặc dễ cháy	II		Chưa có thông tin bổ sung
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA...	1309	Aluminium	4.1: Các chất đặc dễ cháy	II		Chưa có thông tin bổ sung

XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

- Tình trạng khai báo, đăng ký ở quốc gia khu vực trên thế giới** (liệt kê các danh mục quốc gia đã tiến hành khai báo, tình trạng khai báo): Sản phẩm được phân loại nguy hiểm theo Hệ thống hài hòa toàn cầu về phân loại và ghi nhãn hóa chất (GHS)
- Phân loại nguy hiểm theo quốc gia, đăng ký:** 4.1: Các chất đặc dễ cháy.
- Tiêu chuẩn Việt Nam : TCVN 5507:2002
- 3. Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ:**
 - Luật Hóa Chất số 69/2025/QH15;
 - Nghị định số: 26/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất.
 - Nghị định số 24/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định các danh mục hoá chất thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật hoá chất;
 - Thông tư số 01/2026/TT-BCT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ Công Thương Quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất và Nghị định số 26/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất.
 - Nghị định 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa và Nghị định số 111/2021/NĐ-CP của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa.
 - Quy chuẩn Việt Nam: QCVN 05:2020/BCT. Thông tư số: 48/2020/TT-BCT ngày 21 tháng 12 năm 2020 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm.
 - Nghị định số 34/2024/NĐ-CP ngày 31/03/2024 của Chính phủ Quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và phương tiện thủy nội địa.
 - Các văn bản pháp luật hiện hành liên quan khác.

-
XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC
Ngày tháng biên soạn Phiếu: 01/07/2024
Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 26/02/2026
Tên tổ chức soạn thảo: Công ty TNHH Thương Mại Sương Mai
Lưu ý người đọc: Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn. Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc

(Ban hành kèm theo Phụ lục 1, Thông tư số 01/2026/TT-BCT ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Bộ Công Thương Quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất và Nghị định số 26/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất)

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SƯƠNG MAI
Giám đốc

PHẠM THỊ SƯƠNG MAI